

**PHỤ LỤC. DANH MỤC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NỘI VỤ
LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP**

A. NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ

STT	Văn bản quy định	Điều khoản quy định	Nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ	Ghi chú
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM, AN TOÀN LAO ĐỘNG				
1.	Luật An toàn, vệ sinh lao động	Điểm b Khoản 1 Điều 34	Đối với các vụ tai nạn quy định tại điểm a khoản này làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho cơ quan công an cấp xã	
		Điểm d khoản 1 Điều 34	Khi xảy ra tai nạn lao động làm chết người hoặc bị thương nặng đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện có trách nhiệm khai báo ngay với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi xảy ra tai nạn lao động để kịp thời có biện pháp xử lý. Trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo ngay với cơ quan Công an cấp xã và cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi xảy ra tai nạn để kịp thời có biện pháp xử lý. Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì người phát hiện có trách nhiệm kịp thời khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi xảy ra sự cố kỹ thuật và việc báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 36 của Luật này	Bãi bỏ cụm từ “trường hợp xảy ra sự cố...” vì khai báo, báo cáo, xử lý sự cố là 3 nghiệp vụ khác nhau, không nên gộp vào một nội dung.
		Khoản 1 Điều 35	Bổ sung: 1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để tiến hành điều tra tai nạn lao động làm bị thương nhẹ, tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của mình, trường hợp đã được điều tra theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này h	

			tai nạn lao động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra theo quy định pháp luật chuyên ngành. Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gồm có người sử dụng động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác. Trường hợp tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn lao động phải lập biên bản ghi nhận sự việc để thống kê tai nạn lao động”	
		Khoản 2 Điều 36	Bổ sung: “Định kỳ 06 tháng, hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 của Luật này cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh”	
2.	Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động	Điểm a Khoản 1 Điều 10	Khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Sở Nội vụ , nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an cấp xã	
		Điểm a Khoản 2 Điều 10	Khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Sở Nội vụ , nơi xảy ra tai nạn và với Bộ quản lý ngành lĩnh vực đó theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho Công an cấp xã	
		Điểm b Khoản 3 Điều 10	Khi nhận được tin xảy ra tai nạn lao động làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Sở Nội vụ và Công an cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này	
		Khoản 2 Điều 11	Bổ sung: “2. Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh	

			a) Khi nhận được tin báo xảy ra tai nạn làm chết người hoặc làm từ 02 người bị tai nạn nặng trở lên thuộc thẩm quyền Điều tra, Sở Nội vụ cử người đến hiện trường trong thời hạn 02 giờ và thông báo cho các cơ quan cử người tham gia Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh. b) Đối với các vụ tai nạn quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định này, sau khi nhận đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động, Sở Nội vụ thông báo cho các cơ quan cử người tham gia Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh, tiến hành Điều tra và lập biên bản xác minh tai nạn lao động. c) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.” Đề liên thông với quy định về khai báo.	
		Khoản 2 Điều 24	Bổ sung: “2. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động với Sở Nội vụ theo mẫu quy định Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 05 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm”.	
		Khoản 1 Điều 26	Khi xảy ra sự cố làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên mà nạn nhân không phải là người lao động thuộc quyền quản lý hoặc có người lao động bị nạn nhưng chưa rõ thương vong thì người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố phải khai báo bằng cách nhanh nhất với Sở Nội vụ , nơi xảy ra sự cố, với Công an cấp xã nếu nạn nhân bị chết theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này	
		Khoản 3 Điều 24	Trách nhiệm UBND cấp huyện	Bãi bỏ
		Điểm a Khoản 3 Điều 26	Người phát hiện hoặc nhận được tin báo xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng báo ngay cho người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố	
		Mẫu Phụ lục 3, 4	Gửi khai báo về Sở Nội vụ và Công an cấp xã	

		Phụ lục XVI	Mẫu báo cáo tai nạn lao động của người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động trên địa bàn	Bổ sung nội dung “gửi về Sở Nội vụ”
3.	Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	Điểm b khoản 2 Điều 18	Khi nhận được tin báo tai nạn của người lao động hoặc gia đình người lao động bị tai nạn, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Sở Nội vụ theo mẫu báo cáo nhanh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì đồng thời phải báo với cơ quan Công an cấp xã nơi xảy ra tai nạn	
4.	Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm	Khoản 2 Điều 3	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định thực hiện chính sách việc làm công đối với các dự án, hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều này	Bổ Ủy ban nhân dân cấp huyện
		Điểm a khoản 1 Điều 29	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án phê duyệt;	
		Điểm b khoản 1 Điều 29	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.	
II. LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI				
5.	Bộ luật Lao động 2019	Khoản 5 Điều 119	Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc đăng ký nội quy lao động theo quy định tại Điều này.	

		Khoản 3 Điều 202	Ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu đình công, tổ chức đại diện người lao động tổ chức và lãnh đạo đình công phải gửi văn bản về việc quyết định đình công cho người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã	
		Điều 205	Ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày đóng cửa tạm thời nơi làm việc, người sử dụng lao động phải niêm yết công khai quyết định đóng cửa tạm thời nơi làm việc tại nơi làm việc và thông báo cho các cơ quan, tổ chức sau đây: 1. Tổ chức đại diện người lao động đang tổ chức và lãnh đạo đình công; 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có nơi làm việc dự kiến đóng cửa. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, nắm tình hình.	
		Điều 211	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được thông báo về cuộc đình công không tuân theo quy định tại các điều 200, 201 và 202 của Bộ luật này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với công đoàn cùng cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động và đại diện ban lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để nghe ý kiến, hỗ trợ các bên tìm biện pháp giải quyết, đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại bình thường. Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì lập biên bản, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật. Đối với các nội dung tranh chấp lao động thì tùy từng loại tranh chấp, hướng dẫn, hỗ trợ các bên tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của Bộ luật này.”	

6.	Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động	Khoản 2 Điều 4.	Định kỳ 06 tháng (trước ngày 05 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 05 tháng 12), người sử dụng lao động phải báo cáo tình hình thay đổi lao động đến Sở Nội vụ thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội khu vực nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện. Trường hợp người sử dụng lao động không thể báo cáo tình hình thay đổi lao động thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia thì gửi báo cáo bằng bản giấy theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đến Sở Nội vụ và thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội khu vực nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	
		Khoản 1 Điều 91	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn cơ quan chuyên môn về nội vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động là người giúp việc gia đình trên địa bàn	
		Khoản 2 Điều 91	Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn công chức cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quy định pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình; quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động là người giúp việc gia đình trên địa bàn.	Bãi bỏ toàn bộ

		Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 97	Điều 97. Quản lý hòa giải viên lao động 2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh: b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý hòa giải viên lao động, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. 3. Sở Nội vụ d) Chủ trì, phối hợp với cấp cơ sở cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định; thực hiện quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động, hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác; e) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật 4. Cấp cơ sở a) Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động trên địa bàn; thông báo công khai kế hoạch tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng, xử lý hồ sơ đề nghị bổ nhiệm hòa giải viên lao động. b) Phối hợp Sở Nội vụ trong việc cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.	
		Khoản 2 Điều 110	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định hoãn đình công. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định, Chủ tịch	

			Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã , Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trọng tài lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi dự kiến diễn ra đình công. Quyết định hoãn đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực kể từ ngày ký	
		Khoản 1 Điều 111	Khi xét thấy cuộc đình công thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ngừng đình công, đồng thời gửi Giám đốc Sở Nội vụ . Đề nghị ngừng đình công gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các nội dung cơ bản sau: Tên người sử dụng lao động nơi đang diễn ra đình công; tên tổ chức đại diện người lao động tổ chức và lãnh đạo đình công; địa điểm đình công; thời điểm bắt đầu đình công; phạm vi diễn ra đình công; số lượng người lao động đang tham gia đình công; yêu cầu của tổ chức đại diện người lao động; lý do ngừng đình công; kiến nghị về việc ngừng đình công và các biện pháp để thực hiện quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 2 Điều 111	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc Sở Nội vụ phải có ý kiến để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định ngừng đình công	
		Khoản 3 Điều 111	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ , Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định ngừng đình công. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trọng tài lao động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã , tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi đang diễn ra đình công. Quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực kể từ ngày ký.	
		Khoản 5 Điều 111	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải	

			báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả thực hiện ngừng đình công	
		Khoản 1 Điều 112	Trong thời gian thực hiện quyết định hoãn, ngừng đình công theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã , phối hợp với Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi bị hoãn, ngừng đình công và các cơ quan liên quan hỗ trợ các bên thương lượng, hòa giải để giải quyết quyền lợi của người lao động và các bất đồng khác liên quan.	
		Khoản 2 Điều 112	Khi hết thời hạn hoãn, ngừng đình công theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hai bên không thương lượng giải quyết được quyền lợi của người lao động và các bất đồng khác có liên quan thì tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công có thể tiếp tục tổ chức đình công nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ biết ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiếp tục đình công.	
III. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
7.	Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ưu đãi người có công với cách mạng	Khoản 1 Điều 47	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được xây dựng ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã bằng sự đóng góp theo trách nhiệm và tình cảm của tổ chức, cá nhân	
		Khoản 2 Điều 51	Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây: a) Đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", huy động nguồn lực trong xã hội để giúp đỡ gia đình người có công với cách mạng; b) Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; c) Quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc địa bàn cấp huyện quản lý.	Bãi bỏ toàn bộ

		Điểm b khoản 1 Điều 17	Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách trong công an do thủ trưởng công an cấp xã hoặc tương đương cấp	
		Khoản 8 Điều 17	Đối với trường hợp thương binh chết do vết thương tái phát quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở bản tóm tắt hồ sơ bệnh án và biên bản kiểm thảo tử vong xác định nguyên nhân chính gây tử vong là do vết thương cũ tái phát của Trung tâm y tế xã hoặc Bệnh viện	
8.	Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng			Đơn vị đang sửa nên không đưa vào
IV. LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG				
9.	Luật Thi đua khen thưởng 2022	Điểm c khoản 2 Điều 73	Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao, <i>có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã</i> và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề	
		Điểm d khoản 2 Điều 73	Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, <i>có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã</i> và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động	
		Điểm d khoản 1 Điều 75	Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bãi bỏ
		Khoản 2 Điều 80	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen	Bãi bỏ
		Khoản 3 Điều 80	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Gia đình văn hóa”, “Tập thể lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen.	
10.	Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của	Điểm a khoản 4 Điều	Tổ chức lễ tang khi Bà mẹ Việt Nam anh hùng tử trần được quy định như sau:	

	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức lễ tang với thành phần đại diện cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan, đơn vị phụng dưỡng và nhân dân nơi bà mẹ cư trú;	
		Điểm b khoản 2 Điều 5	2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm: ... b) Lập hồ sơ (03 bộ), ký Tờ trình kèm theo danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
		Khoản 3 Điều 5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm	Bãi bỏ
11.	Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng	Khoản 5 Điều 7	Chức danh Vụ trưởng và tương đương: Vụ trưởng, cục trưởng, viện trưởng, trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở trung ương; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Vụ trưởng, trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ khối trực thuộc trung ương; Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Phó giám đốc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Vụ trưởng, cục trưởng, trưởng cơ quan, đơn vị và tương đương thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh; Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy ; Phó tổng thư ký liên hiệp hội ở trung ương; trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung	Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể

			ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Phó chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội không có đảng đoàn) và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ	
		Khoản 6 Điều 7	Chức danh Phó vụ trưởng và tương đương: Phó vụ trưởng, phó cục trưởng, phó viện trưởng, phó trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và tương đương, bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương; Phó vụ trưởng, phó trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương ở cấp tỉnh; Phó bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Phó vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, phó trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó vụ trưởng, phó trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Phó trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng có đảng đoàn do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trưởng các hội cấp tỉnh được giao biên chế	Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể
		Điểm a Khoản 1 Điều 17	Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 06 năm đến dưới 10 năm. Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện,	Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể

			thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 10 năm trở lên	
	Điểm a Khoản 1 Điều 18		Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 05 năm. Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm	Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể
	Khoản 5 Điều 29		Đối với doanh nghiệp, tập thể cá nhân thuộc doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp FDI) Doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại địa phương nơi đặt trụ sở giao dịch (kể cả trong khu công nghiệp, khu chế xuất và bên ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất) do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở giao dịch khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở chính, ngoài việc khen thưởng do người đứng đầu doanh nghiệp quyết định theo thẩm quyền thì người đứng đầu đơn vị thành viên thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền và đề ngợi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đơn vị thành viên có trụ sở và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.	
	Khoản 4 Điều 32		Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong	

			thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).	
		Khoản 5 Điều 49	Người đứng đầu sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc tỉnh; Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý	
		Điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 50	3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau: a) Quỹ thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên, được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài; b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố trực thuộc trung ương và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa, khu vực hải đảo và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Đối với đơn vị không còn là cấp ngân sách mà thực hiện nhiệm vụ đơn vị dự toán ngân sách thì do thành phố trực thuộc trung ương phân bổ.	
		Điểm b Khoản 1 Điều 104	Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh: Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn nhưng không được giống hoặc tương tự với hoa văn trên các bằng khen cấp Nhà nước. Chính giữa phía trên là:	

			Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với “Giấy khen” và bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, “Giấy khen” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Biểu tượng của các cơ quan, tổ chức đối với “Giấy khen”, bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, “Giấy khen” của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã. Đối với bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có thêm hàng cờ đỏ hai bên Quốc huy hoặc biểu tượng của các cơ quan đoàn thể. Không có hoa văn bốn góc bên ngoài đường diềm và khối hoa văn chuyển tiếp giữa Quốc huy và đường diềm trang trí	
		Điểm b Khoản 1 Điều 106	Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh: Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn không được giống hoặc tương tự với các bằng khen cấp nhà nước. Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng); là biểu tượng của các cơ quan, tổ chức và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, lãnh đạo cơ quan trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể)	
12.	Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xét tặng, truy	Khoản 2 Điều 4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc tổng hợp hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” trên địa bàn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng	Bãi bỏ
		Khoản 3 Điều 8	Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm:	Bãi bỏ

	tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến		a) Chỉ đạo cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng, phối hợp với Hội (Ban Liên lạc) Cựu Thanh niên xung phong cùng cấp (nếu có) và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”. b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định, hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm: Tờ trình kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng. Hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.	
V. LĨNH VỰC TỔ CHỨC – BIÊN CHẾ				
13.	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện). 2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là sở); cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng)	Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể
VI. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ				
14.	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Điểm c khoản 2 Điều 14	Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu đồng)	
		Điểm c khoản 3 Điều 14	Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng)	
		Khoản 1 Điều 30	Ban Kiểm soát quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh hoặc quỹ có	

			cá nhân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập phải có ít nhất 03 thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã thì Hội đồng quản lý quỹ thực hiện chức năng kiểm soát quỹ.	
15.	Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Khoản 8 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019)	Điều 18. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về quỹ 1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận sửa đổi, bổ sung điều lệ; mở rộng phạm vi hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập, đối với quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh; 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập: a) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh; b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, xã. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã; trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản thành lập.	
		Khoản 17 Điều 1 (Bổ sung khoản 5 Điều 39 Nghị định	5. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ khi thay đổi địa giới hành chính: a) Quỹ hoạt động phạm vi tỉnh, xã khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, Hội đồng quản lý quỹ xem xét, quyết định chia,	

		93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019)	tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định này. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này	
		Khoản 23 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019)	Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các quỹ và tổ chức, công dân tại địa phương thi hành pháp luật về quỹ. 2. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quỹ và điều lệ quỹ, tổ chức, hoạt động của quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương. 3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý quỹ. 4. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về quỹ ở địa phương và người làm việc tại quỹ. 5. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với quỹ, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của quỹ ở địa phương theo quy định của pháp luật. 6. Quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động của quỹ ở địa phương. 7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến quỹ theo quy định của pháp luật. 8. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã, trong đó có hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương. 9. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kế toán; kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh. 10. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã.	

			11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này. 12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.	
	Khoản 24 Điều 1 (Bổ sung Điều 48a Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019)	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã 1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quỹ và điều lệ quỹ hoạt động trong phạm vi xã . 2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với quỹ hoạt động trong phạm vi xã . 3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng quỹ, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật. 4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp cấp xã theo quy định của pháp luật. 5. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi xã . 6. Cập nhật cơ sở dữ liệu quỹ theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về quỹ hoạt động phạm vi xã . 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này. 8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.		
	Khoản 1 Điều 2	Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ quy định sau của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện 1. Bổ sung từ sau: “ xã ” sau cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” tại khoản 1 Điều 22, điểm đ khoản 3 và điểm b khoản 5 Điều 41.		
	Phụ lục I. Mẫu số 02 (Điều lệ mẫu của quỹ xã hội)	Ghi chú (5) Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, xã		
	Phụ lục I. Mẫu số 03 (Điều lệ mẫu của quỹ từ thiện)	Ghi chú (5) Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, xã		

		Phụ lục II. Mẫu số 16. Báo cáo năm về tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Bỏ các cụm “Quỹ có phạm vi hoạt động cấp huyện:”	
16.	Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	Khoản 3 Điều 4	3. Hội hoạt động trong phạm vi huyện	Bãi bỏ
		Khoản 2 Điều 8	2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã	
		Khoản 3 Điều 8	Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp có thẩm quyền ở huyện giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã	Bãi bỏ
		Khoản 1 Điều 9	1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý hoạt động của các tổ chức hội theo phân cấp.	
		Khoản 4 Điều 9	4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội: a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; cấp mã số và các tài khoản định danh cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và hội; b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và hội có trách nhiệm truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định; c) Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hội	

		Điểm b khoản 6 Điều 10	b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội	
		Điểm c khoản 6 Điều 10	Hội hoạt động trong phạm vi huyện có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội	Bãi bỏ
		Điểm b khoản 5 Điều 11	Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên	
		Điểm c khoản 5 Điều 11	Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 03 thành viên	
		Điểm c khoản 2 Điều 12	c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã.	
		Khoản 4 Điều 15	4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.	
		Khoản 5 Điều 21	Nếu nghị quyết đại hội của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã có cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính và là hội viên tổ chức của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc, thống nhất thừa nhận điều lệ của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc thì không cần xây dựng điều lệ riêng	
		Điểm b khoản 1 Điều 27	Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến, hội hoàn chỉnh đề án hoặc kế hoạch triển khai (kèm theo ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến): Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã theo phân cấp	
		Điểm a khoản 4 Điều 32	Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, ban chấp hành hội xem xét, quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới	

			theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; tên của các hội do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất gắn với tên đơn vị hành chính mới	
		Khoản 3 Điều 34	Hội gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở của hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; tại trụ sở hội trong thời gian 15 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã	
		Điểm c khoản 2 Điều 35	Thông báo về việc chuẩn bị giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của hội liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở trung ương đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã	
		Khoản 2 Điều 37	Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương	
		Khoản 4 Điều 39	Việc hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc; ngân sách địa phương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã) và khả năng huy động các nguồn lực tài chính của các hội	
		Khoản 5 Điều 42	Số lượng phó chủ tịch hội chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh không quá 02 người, trong phạm vi xã không quá 01 người	
		Khoản 1 Điều 49	Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội, tổ chức, hoạt động của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã ở địa phương và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương	

		Khoản 2 Điều 49	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã , các hội và tổ chức, công dân tại địa phương thi hành pháp luật về hội	
		Khoản 3 Điều 49	Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý hội	
		Khoản 7 Điều 49	Xem xét và cho phép hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ của các hội ở địa phương theo quy định của pháp luật	
		Khoản 8 Điều 49	Quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền	
		Khoản 10 Điều 49	Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã , trong đó có hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương	
		Khoản 11 Điều 49	Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội	
		Khoản 12 Điều 49	Quản lý các hoạt động đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã tổ chức ở địa phương	
		Khoản 13 Điều 49	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kế toán; kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã	
		Khoản 14 Điều 49	Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã	
		Bổ sung thêm khoản 17 Điều 49	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết các thủ tục giải thể của hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện sau khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện	
		Điều 50	“Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã 1. Quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi xã. 2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.	

			3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật. 4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp cấp xã theo quy định của pháp luật. 5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội. 6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi xã. 7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi xã. 8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này. 9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.	
		Khoản 3 Điều 53	3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này	
		Mẫu số 09	(5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, trong xã,.... (24) Hội quy định: (i) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (ii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (iii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã được bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; trừ hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.	

			(28) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội phê duyệt Điều lệ: Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp xã theo phân cấp.	
	Mẫu số 14 Phụ lục III		Bãi bỏ các cụm từ tại mẫu số 14 Phụ lục III như sau: a) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện:; trong đó số lượng hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” tại điểm a, b, c khoản 1 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương. b) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a, b khoản 2 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương. c) Cụm từ: “Kinh phí hỗ trợ của địa phương cho hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a khoản 4 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương.	
VII. LĨNH VỰC THANH NIÊN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI				
17.	Luật Dân chủ cơ sở 2022	Khoản 3 Điều 11	3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho thị trấn, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi thị trấn	Bãi bỏ nội dung “Quy hoạch xây dựng vùng huyện”
		Khoản 2 Điều 25	Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý	Bãi bỏ nội dung “cấp huyện” Theo định hướng sắp xếp đơn vị hành chính không tổ chức cấp huyện thì

				sau khi phân cấp thực hiện theo Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
		Khoản 2, khoản 3 Điều 83	2. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây: a) Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, ở tổ chức có sử dụng lao động; Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở.	Đề nghị đưa nội dung quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động tại điểm a, khoản 3 Điều 83 bổ sung vào điểm a, khoản 2 Điều 83 và bỏ khoản 3 Điều 83.

		Điều 85	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bãi bỏ
		Khoản 3, Điều 86	Khoản 3, 3. Tại nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật này.	Chỉnh sửa nội dung: “Ủy ban nhân dân cấp huyện”; “Hội đồng nhân dân cấp huyện”
		Khoản 4 Điều 86	Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn. Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã và Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.	Bãi bỏ
18.	Nghị định số 56/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước	Điều 1	Nghị định này quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là các Bộ, ngành); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân các cấp) trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ) tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.	
19.	Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới	Điều 6	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch về giới và bình đẳng giới trong phạm vi địa phương. 2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; huy động nhân lực, kinh phí để thực hiện bình đẳng giới ở địa phương.	Bãi bỏ

			3. Tổ chức, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về giới và chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho nhân dân địa phương. 4. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương. Sơ kết, tổng kết, báo cáo đánh giá hàng năm và định kỳ về tình hình thực hiện bình đẳng giới trong phạm vi địa phương. 5. Kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương.	
20.	Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975	Khoản 7 Điều 9	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Hội Cựu thanh niên xung phong, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có) hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, xét duyệt và tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ, kèm theo hồ sơ của đối tượng).	Sửa đổi các mẫu biểu kèm theo Phụ lục Nghị định số 112 (trong đó bỏ quy định về quê quán, hộ khẩu thường trú của đối tượng; thay CMND bằng số định danh cho phù hợp với Luật Căn cước)
		Khoản 2 Điều 10	b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, làm văn bản đề nghị theo Mẫu số 11A, kèm theo danh sách đề nghị trợ cấp mai táng theo mẫu số 11B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ. c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do	Bãi bỏ điểm c Khoản 2 Điều 10, đánh số

			Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Sở Nội vụ kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hưởng trợ cấp mai táng đối với thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định hưởng trợ cấp mai táng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả cho thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam	lại các khoản, điểm Sửa đổi mẫu số 11A và mẫu số 11C, bỏ mẫu số 11B về UBND huyện; điều chỉnh thứ tự mẫu (có biểu mẫu sau sửa đổi đính kèm)
21.	Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện	Điểm b khoản 2 Điều 17	Giao UBND cấp xã thực hiện	Giao thẩm quyền cho UBND xã tiếp nhận kế hoạch tổ chức hoạt động thanh niên tình nguyện diễn ra trên địa bàn xã để trực tiếp nắm tình

				hình, theo dõi, quản lý các hoạt động này; Giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh nếu hoạt động thanh niên tình nguyện diễn ra trên địa bàn 2 xã trở lên (trước đây giao cho cấp huyện nếu trên địa bàn từ 2 xã trở lên và cấp tỉnh nếu trên địa bàn từ 2 huyện trở lên).
		Điều 18	Giao UBND cấp xã thực hiện	Đề nghị giao thẩm quyền cho UBND xã thực hiện các nội dung quy định tại Điều này vì

				UBND xã là cấp cơ sở trực tiếp theo dõi, quản lý các hoạt động thanh niên tình nguyện; xử lý, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các trường hợp vi phạm liên quan đến hoạt động thanh niên tình nguyện trên địa bàn (trước đây giao cho cấp huyện và cấp xã).
22.	Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.	Khoản 2 Điều 15	Bãi bỏ	

VIII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ				
23.	Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ	Khoản 5, 7 Điều 2		Đề nghị đề xuất nội dung cụ thể

B. NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH

STT	Văn bản quy định	Điều khoản quy định	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Ghi chú
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM, AN TOÀN LAO ĐỘNG				
1.	Luật An toàn, vệ sinh lao động	Khoản 1 Điều 35	Trường hợp tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn lao động phải lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xảy ra tai nạn.	
		Khoản 2 Điều 36	Định kỳ 06 tháng, hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 của Luật này với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.	
2.	Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động	Khoản 2 Điều 15	Đoàn điều tra tai nạn lao động đến ngay nơi xảy ra tai nạn, yêu cầu người sử dụng lao động, cơ quan có thẩm quyền cung cấp các tài liệu, hồ sơ, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn và phối hợp với Công an cấp tỉnh tiến hành điều tra tại chỗ để lập biên bản khám nghiệm	Đơn vị đang sửa

			hiện trường, khám nghiệm thương tích, thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn;	
		Khoản 2 Điều 24	Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn về Sở Nội vụ	
		Khoản 3 Điều 24	Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu quy định Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm. (Đề nghị đơn vị cho ý kiến sửa đổi)	
		Điểm b khoản 3 Điều 26	Đối với sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương thì người sử dụng lao động, địa phương nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm báo ngay về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3.	Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	Điểm a khoản 4 Điều 18	4. Sau khi nhận được thông tin khai báo xảy ra tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra tai nạn thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để điều tra các vụ tai nạn lao động làm bị thương nặng 01 người lao động, tai nạn lao động nhẹ theo quy định sau: a) Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập ngay Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở theo mẫu Quyết định quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Thành phần Đoàn điều tra bao gồm đại diện Phòng	

			Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện làm Trưởng đoàn, các thành viên là đại diện Phòng Y tế, đại diện Liên đoàn Lao động cấp huyện , đại diện Thanh tra cấp huyện, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn và một số thành viên khác;	
		Điểm c.9 khoản 4 Điều 18	c.9) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động, Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động tới người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị nạn; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn lao động, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi người lao động đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện.	
		Điểm c khoản 1 Điều 20	c) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra tai nạn và Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh đã điều tra vụ tai nạn lao động có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp trung ương đối với tai nạn xảy ra cho người lao động;	
		Khoản 2 Điều 21	2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, điều tra lại tai nạn lao động chịu trách nhiệm chi trả các chi phí bao gồm: dựng lại hiện trường; chụp, in, phóng ảnh hiện trường và nạn nhân; trưng cầu giám định kỹ thuật, giám định pháp y (khi cần thiết); khám nghiệm tử thi; in ấn các tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động; phương tiện đi lại tại nơi xảy ra tai nạn lao động phục vụ quá trình điều tra tai nạn lao động; tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn	

			lao động và các chi phí hợp lý liên quan đến điều tra tai nạn lao động của người lao động.	
		Khoản 2 Điều 30	Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện	
4.	Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 74/2019/NĐ-CP)	Khoản 1 Điều 4	Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh , thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công.	
II. LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM XÃ HỘI				
5.	Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động	Điều 93	Điều 93. Bổ nhiệm hòa giải viên lao động 1. Lập kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động Quý I hằng năm, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cấp cơ sở rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. 2. Trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động a) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cấp cơ sở có văn bản thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng. b) Trong thời hạn đăng ký ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động của Sở Nội vụ, cá nhân trực tiếp đăng ký hoặc được các cơ quan, đơn vị của nhà nước,	

			tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác giới thiệu tham gia dự tuyển hòa giải viên lao động với Sở Nội vụ hoặc cấp cơ sở. c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động, Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ, bao gồm cả hồ sơ trực tiếp tiếp nhận và hồ sơ do cấp cơ sở gửi; lập danh sách bổ nhiệm hòa giải viên lao động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, bổ nhiệm; đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm hòa giải viên lao động. Thời hạn bổ nhiệm hòa giải viên lao động tối đa không quá 05 năm. 3. Bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động b) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; kết quả rà soát tiêu chuẩn, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị bổ nhiệm lại của hòa giải viên lao động, Sở Nội vụ có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 4. Sở Nội vụ công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.	
--	--	--	--	--

		Khoản 2 Điều 94	2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều này, Sở Nội vụ rà soát, đánh giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, miễn nhiệm hòa giải viên lao động;	
		Điều 95	1. Việc cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hòa giải do Sở Nội vụ phân công thực hiện theo quy chế quản lý hòa giải viên lao động. 2. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến Sở Nội vụ hoặc hòa giải viên lao động. Trường hợp hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng tranh chấp đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, hòa giải viên lao động phải chuyển cho Sở Nội vụ để phân loại xử lý; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Sở Nội vụ có trách nhiệm phân loại, chủ trì, phối hợp với cấp cơ sở để có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định. Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cấp cơ sở để có văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định. 3. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cấp cơ sở cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết.	
III. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG				

6.	Luật Thi đua, khen thưởng 2022	Khoản 1 Điều 29	Danh hiệu xã, phường, đặc khu tại hải đảo tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, đặc khu tại hải đảo dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn sau đây	
7.	Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	Khoản 1 Điều 4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” trên địa bàn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng	
		Điểm d khoản 2 Điều 8	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm: Tờ trình kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng. Biên bản họp xét các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”. Hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này	
IV. LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC				
8.	Luật Lưu trữ 2024	Điểm b khoản 1 Điều 55	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo thẩm quyền quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật	
		Điểm b khoản 3 Điều 9	Tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức ở cấp tỉnh, cấp xã và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và cơ quan, tổ chức, cá nhân không quy định tại các điểm a, c và d khoản này	

		Khoản 2 Điều 18	Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở địa phương được quy định như sau: c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã làm đầu mối nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ của các cơ quan quy định tại điểm này; d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp khu vực; tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của trung ương được tổ chức, hoạt động theo ngành dọc ở cấp tỉnh, cấp xã; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.	
--	--	-----------------	--	--